

Bản án số: 15/2018/HS-ST

Ngày: 16-3-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA LỘC, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hoài Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Đức Thập

Bà Nguyễn Thị Lan

- *Thư ký phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Phương Thảo – Thư ký Toà án nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà:* Ông Phạm Sỹ Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 03/2018/TLST-HS ngày 03 tháng 01 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2018/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 3 năm 2018 đối với bị cáo:

NGUYỄN VĂN V, sinh năm 1980; Hộ khẩu thường trú và cư trú: Thôn Đ, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H và bà Vũ Thị T; Vợ là Phạm Thị Minh H, bị cáo có 02 con; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Ngày 15-6-2009 bị Công an phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 143209 về hành vi Trộm cắp tài sản, chấp hành xong ngày 16-6-2009; Tại Bản án số 20/2013/HSST ngày 17-01-2013, Toà án nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội xử phạt 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (giá trị tài sản chiếm đoạt 9.000.000 đồng), chấp hành xong bản án ngày 28-3-2013; Bị cáo tại ngoại, đang chấp hành Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 96 ngày 27-9-2017 của Công an huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương. Có mặt.

- Bị hại:

1. Chị Hoàng Thị Phương T, sinh năm 1990 (đã chết);

Người đại diện hợp pháp của chị Thảo:

+ Ông Hoàng Đức T, sinh năm 1964 (là bố đẻ chị Thảo). Vắng mặt.

+ Bà Phạm Thị C, sinh năm 1956 (là mẹ đẻ chị Thảo). Vắng mặt.

Đều trú tại: Thôn D, xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương.

+ Anh Vũ Mạnh T, sinh năm 1988 (là chồng chị T). Vắng mặt.

+ Cháu Vũ Bảo M, sinh năm 2015 (là con chị T). Vắng mặt.

Người giám hộ của cháu M: Anh Vũ Mạnh T, sinh năm 1988;

Đều trú tại: Thôn L, phường K, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

Người đại diện theo ủy quyền của người đại diện hợp pháp của bị hại: Bà Phạm Thị B, sinh năm 1963; trú tại: Thôn L, phường K, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Có mặt.

2. Anh Phạm Văn K, sinh năm 1977 (đã chết);

Người đại diện hợp pháp của anh K:

+ Ông Phạm Văn B, sinh năm 1951 (là bố đẻ anh K). Vắng mặt.

+ Bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1952 (là mẹ đẻ anh K). Vắng mặt.

+ Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1981 (là vợ anh K). Vắng mặt.

+ Cháu Phạm Văn N, sinh năm 2002 (là con anh K). Vắng mặt.

+ Cháu Phạm Ngọc A, sinh năm 2013 (là con anh K). Vắng mặt.

Người giám hộ của cháu N và cháu Ngọc A: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1981;

Đều trú tại: Thôn Z, xã X, huyện N, tỉnh Hải Dương.

Người đại diện theo ủy quyền của người đại diện hợp pháp của bị hại: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1981; trú tại: Thôn Z, xã X, huyện N, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

3. Công ty TNHH Thương mại và sản xuất T; địa chỉ: Nhà B, khu đô thị Y, đường O, phường H, quận C, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của Công ty TNHH Thương mại và sản xuất T: Bà Nguyễn Thị Mai K, sinh năm 1977 (là Giám đốc Công ty); địa chỉ: Số nhà 22, ngõ 61, tổ 45, đường C, phường M, quận H, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

- Bị đơn dân sự: Công ty cổ phần Vận tải và thương mại X;

Địa chỉ: Số 783, phố K, phường Đ, quận Y, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần Vận tải và thương mại X: Ông Đoàn Thanh H – Giám đốc Công ty cổ phần Vận tải và thương mại X; Địa chỉ: số 247 đường L, phường B, quận F, thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của Công ty cổ phần Vận tải và thương mại X: Ông Nguyễn Văn H – Phó Giám đốc Công ty cổ phần Vận tải và thương mại X;

Địa chỉ: số 4/149, đường X, phường E, quận M, Thành phố Hải Phòng (là người đại diện theo ủy quyền). Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ ngày 03-8-2017, sau khi chờ hàng từ cảng C, tỉnh Quảng Ninh sang khu công nghiệp V, tỉnh Hà Nam thì Nguyễn Văn V điều khiển xe ô tô đầu kéo BKS: 16H- 3019 kéo theo rơ moóc BKS: 15R- 051.79 đi trên đường quốc lộ 38B hướng huyện M đi huyện G, tỉnh Hải Dương để về cảng P, tỉnh Hải Dương lấy hàng (V có giấy phép lái xe ô tô theo quy định, hạng E, FC số 990061990612 do Sở giao thông vận tải thành phố Hải Phòng cấp ngày 13-02-2017, có giá trị đến 13-02-2022). Khi đến Km 4 + 800 thuộc địa phận xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương (khu vực không có biển cảnh báo khu vực đông dân cư), tại đây mặt đường được trải nhựa tương tối bằng phẳng rộng 11 mét. Tâm đường có vạch sơn nét đứt màu vàng rộng 0,15 mét, phân chia hai dòng xe đi lại ngược chiều nhau theo hướng Hưng Yên đi Hải Dương; tiếp giáp mép đường bên phải là lề đường rộng 3 mét; tiếp giáp mép đường bên trái là lề đường rộng 1,7 mét, tiếp đó là kè đá bờ sông làm dốc khoảng 60°, rộng 6 mét, tiếp đó là sông nước. Góc mở đường vào thôn B, xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương rộng 18 mét. Khoảng 12 giờ cùng ngày, V điều khiển ô tô đầu kéo, kéo theo rơ moóc với tốc độ xe ô tô khoảng 72 km/h, do V điều khiển xe ô tô đi không đúng phần đường quy định, đi lấn sang phần đường dành cho các phương tiện đi ngược chiều, không tuân thủ quy định về tốc độ xe chạy trên đường nên phần đầu ô tô đầu kéo do V điều khiển đã va chạm với phần đầu xe mô tô BKS 59P1- 545.33 do anh Phạm Văn K điều khiển đi hướng ngược chiều. Sau khi va chạm với xe mô tô do anh K điều khiển, xe ô tô đầu kéo do V điều khiển tiếp tục va chạm vào phần đầu xe mô tô BKS 34B1- 654.82 do chị Hoàng Thị Phương T điều khiển đi hướng ngược chiều. Cùng lúc này, xe ô tô BKS 29C- 921.45 do anh CỖ Y A- Sinh năm 1976, ở số 308, đường GP, thành phố HM, tỉnh Giang Tô, Trung Quốc, ngồi trên cabin xe ô tô có chị Trương Tiểu A- Sinh năm 1984, ở Số 1650, đường ND, đại lộ BT, tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc là vợ anh A điều khiển cùng chiều với xe mô tô của chị T đi đến va chạm với xe mô tô của chị T. Lúc này, anh A điều khiển xe ô tô BKS 29C- 921.45 vào thôn B, xã T, huyện G để tránh xe ô tô do V điều khiển ngược chiều. Xe ô tô đầu kéo do V điều khiển sau khi liên quan tai nạn tiếp tục va chạm và làm đổ 02 cột cây số của Hạt quản lý quốc lộ 37 và đẩy xe mô tô BKS 59P1- 545.33 cùng anh Phạm Văn K và chị Hoàng

Thị Phương T cùng xuống sông. Anh K và chị T tử vong tại hiện trường, xe mô tô BKS 59P1- 545.33, xe mô tô BKS 34B1- 654.82 và xe ô tô BKS 29C- 921.45 bị hư hỏng.

Tại Kết luận giám định pháp y số 461/KLGD ngày 10-8-2017, Phòng kỹ thuật hình sự- Công an tỉnh Hải Dương kết luận nguyên nhân chết của chị Hoàng Thị Phương T: Đa vết thương, chấn thương (vết thương sọ não mở, thoát não, vết thương bẹn trái, tăng sinh môn, đứt mạch máu thần kinh bẹn trái, vỡ xương chậu, thông khoang bụng, gãy 2 xương cẳng tay phải, gãy xương cẳng chân phải).

Tại Kết luận giám định pháp y số 462/KLGD ngày 10-8-2017, Phòng kỹ thuật hình sự- Công an tỉnh Hải Dương kết luận nguyên nhân chết của anh Phạm Văn K: Mất máu cấp do chấn thương ngực, bụng, đứt động mạch phổi, vỡ gan.

Tại Kết luận giám định số 3974/C54- P2 ngày 14-8-2017, Viện khoa học hình sự- Tổng cục cảnh sát kết luận: Hệ thống lái của xe ô tô đầu kéo biển kiểm soát 16H- 3019 kéo theo xe sơ mi móc biển kiểm soát 15R- 051.79 trước và sau khi xảy ra tai nạn còn tác dụng.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 33/QĐ- HĐĐGTS ngày 14-8-2017, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự- UBND huyện G đối với xe ô tô BKS 29C- 92.145 kết luận: Giá trị thiệt hại phần linh kiện, phụ tùng bị hư hỏng do tai nạn giao thông của chiếc xe ô tô nói trên là: 715.000 đồng.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 38/QĐ- HĐĐGTS ngày 15-9-2017, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự- UBND huyện G kết luận:

- Giá trị thiệt hại phần linh kiện, phụ tùng bị hư hỏng do tai nạn giao thông của chiếc xe mô tô BKS: 59P1- 545.33, nhãn hiệu Boss, số loại VKLX100, số máy SD- 061819, số khung 00221- 016207, sản xuất tại Việt Nam, xe đã qua sử dụng là 1.820.000 đồng.

- Giá trị thiệt hại phần linh kiện, phụ tùng bị hư hỏng do tai nạn giao thông của chiếc xe mô tô BKS 34B1- 654.82, số khung 2405BY160615, số máy JF24E0716849, nhãn hiệu Honda, số loại Lead, sản xuất tại Việt Nam, xe đã qua sử dụng là 15.790.000 đồng.

Quá trình điều tra làm rõ:

Xe ô tô đầu kéo BKS: 16H- 3019 kéo theo sơ móc BKS: 15R- 051.79 thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần vận tải và thương mại X, Công ty thuê Nguyễn Văn V là lái xe (có hợp đồng lao động). Xe ô tô BKS 29C- 92.145 thuộc sở hữu của Công ty TNHH và sản xuất T do chị Nguyễn Thị Mai K làm giám đốc. Ngày 03-8-2017, chị K giao xe ô tô BKS 29C- 92.145 cho anh Cở Y

A cùng chị Trương Tiểu A đi giao hàng tại khu vực tỉnh Hải Dương.

Về trách nhiệm dân sự: Đại diện Công ty TNHH và sản xuất T không yêu cầu bị cáo bồi thường. Nguyễn Văn V cùng đại diện Công ty Cổ phần vận tải và thương mại X đã thoả thuận và bồi thường toàn bộ thiệt hại về vật chất, tinh thần cũng như giá trị tài sản hư hỏng đối với chiếc xe mô tô BKS 59P1- 545.33 và xe mô tô BKS 34B1- 654.82 cho đại diện hợp pháp gia đình anh Phạm Văn K số tiền 190.000.000 đồng và đại diện hợp pháp gia đình chị Hoàng Thị Phương T số tiền 230.000.000 đồng. Đại diện hợp pháp của anh K là chị Nguyễn Thị H cùng đại diện hợp pháp của chị T là bà Phạm Thị B đều xác định về trách nhiệm dân sự đã thoả thuận giải quyết xong, không có yêu cầu đề nghị gì thêm. Đại diện Công ty Cổ phần vận tải và thương mại X yêu cầu V phải hoàn trả cho Công ty số tiền là 317.400.000 đồng. Anh Hồ Văn T là Hạt trưởng hạt quản lý quốc lộ 37 xác định đơn vị đã tự chôn lại hai cột cây số bị đổ, không bị thiệt hại gì nên không yêu cầu bồi thường.

Về vật chứng: Ngày 08-11-2017 Cơ quan cảnh sát điều tra- Công an huyện Gia Lộc đã trả lại xe ô tô đầu kéo và rơ moóc cho đại diện Công ty Cổ phần vận tải và thương mại X; ngày 16-8-2017 trả lại xe ô tô BKS: 29C- 921.45 cho chị Nguyễn Thị Mai K; ngày 27-9-2017 đã trả lại chiếc xe mô tô BKS: 59P1- 545.33 và xe mô tô BKS 34B1- 654.82 cho chị Nguyễn Thị H và anh Vũ Mạnh T. Đối với giấy phép lái xe ô tô số 990061990612 do Sở giao thông vận tải thành phố Hải Phòng cấp ngày 13-02-2017 cho Nguyễn Văn V, hiện đang được quản lý trong hồ sơ vụ án.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Nguyễn Văn V không có ý kiến hay khiếu nại gì về các kết luận giám định, định giá, khai nhận hành vi phạm tội, đã nộp 100.000.000đ cho Công ty Cổ phần vận tải và thương mại X để cùng công ty bồi thường cho gia đình bị hại.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của bị hại T xác định về trách nhiệm dân sự đã thoả thuận giải quyết xong, không yêu cầu bồi thường thêm, xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Đại diện Công ty Cổ phần vận tải và thương mại X xác định giữa Công ty và bị cáo đã tự thoả thuận xong về trách nhiệm dân sự nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, xin rút yêu cầu buộc bị cáo hoàn trả Công ty số tiền 317.400.000đ. Đại diện Tổng công ty cổ phần bảo hiểm P xác định đã làm thủ tục chi trả tiền bảo hiểm cho Công ty Cổ phần vận tải và thương mại X đối với bảo hiểm của xe ô tô BKS 16H-3019, không có yêu cầu, đề nghị gì trong vụ án.

Tại Cáo trạng số 02/VKS-HS ngày 29-12-2017, Viện kiểm sát nhân dân

(viết tắt là VKSND) huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương truy tố Nguyễn Văn V về tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” theo điểm đ Khoản 2 Điều 202 Bộ luật hình sự (viết tắt là BLHS) năm 1999.

Đại diện VKSND huyện Gia Lộc giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm như đã truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn V phạm tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ". Áp dụng khoản 3 Điều 7, điểm đ khoản 2 Điều 260, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54, Điều 38 BLHS năm 2015; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20-6-2017 của Quốc hội; Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn V từ 26 tháng đến 28 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ bắt thi hành án. Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 5 Điều 260 BLHS năm 2015: Cấm bị cáo Nguyễn Văn V hành nghề lái xe ô tô trong thời hạn từ 01 năm đến 02 năm kể từ ngày bị cáo chấp hành xong hình phạt tù. Trách nhiệm dân sự: không giải quyết. Về vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự (viết tắt là BLTTHS) năm 2015: Tiếp tục quản lý giấy phép lái xe số 990061990612 mang tên Nguyễn Văn V do Sở giao thông vận tải thành phố Hải Phòng cấp ngày 13-02-2017 trong hồ sơ vụ án. Sau khi bị cáo chấp hành xong hình phạt bổ sung, bị cáo có yêu cầu nhận lại giấy phép lái xe thì Tòa án trả lại giấy phép lái xe cho bị cáo. Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 BLTTHS năm 2015; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo V phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo nói lời sau cùng xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Gia Lộc, Điều tra viên, VKSND huyện Gia Lộc, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của BLTTHS. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Do Công ty Cổ phần vận tải và thương mại X và bị cáo đã tự thỏa thuận xong về trách nhiệm dân sự, Công ty Cổ phần vận tải và thương mại X và Tổng

công ty cổ phần bảo hiểm P không có yêu cầu giải quyết trong vụ án này nên Hội đồng xét xử xác định tư cách tham gia tố tụng của Công ty Cổ phần vận tải và thương mại X là bị đơn dân sự, không đưa Tổng công ty cổ phần bảo hiểm P là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Lời khai của bị cáo Nguyễn Văn V tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai người làm chứng, biên bản khám nghiệm hiện trường, kết luận giám định pháp y và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 12 giờ ngày 03-8-2017, tại Km 4 + 800 đường quốc lộ 38B thuộc địa phận xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương, Nguyễn Văn V có giấy phép lái xe ô tô hợp lệ, điều khiển xe ô tô đầu kéo BKS: 16H- 3019 kéo theo rơ moóc BKS: 15R- 051.79 đi theo hướng từ huyện M, tỉnh Hải Dương đi huyện G, tỉnh Hải Dương. Do V điều khiển xe ô tô đi ở ngoài khu vực đông dân cư, không tuân thủ quy định về tốc độ xe chạy trên đường, không đi đúng phần đường quy định, đi lấn sang phần đường dành cho các phương tiện đi ngược chiều nên đã va chạm với xe mô tô BKS 59P1- 545.33 do anh Phạm Văn K và xe mô tô BKS 34B1- 654.82 do chị Hoàng Thị Phương T đều điều khiển đi hướng ngược chiều. Xe mô tô BKS 34B1- 654.82 sau khi liên quan tai nạn thì tiếp tục va chạm với xe ô tô BKS 29C- 921.45 của Công ty TNHH và sản xuất T do anh Cổ Ý A điều khiển hướng ngược chiều. Hậu quả anh K và chị T tử vong tại hiện trường, xe mô tô BKS 34B1- 654.82 bị hư hỏng giá trị tài sản là 1.820.000 đồng, xe mô tô BKS 34B1- 654.82 bị hư hỏng giá trị tài sản là 15.790.000 đồng và xe ô tô BKS 29C- 921.45 bị hư hỏng là 715.000 đồng.

Hành vi của bị cáo đã vi phạm Điều 9, Điều 12 Luật giao thông đường bộ; Điều 5, Điều 7 Thông tư số 91/2015/TT-BGTVT ngày 31-12-2015 của Bộ giao thông vận tải, gây thiệt hại cho tính mạng của 02 người, gây thiệt hại về tài sản là 18.325.000đ. Bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Căn cứ hướng dẫn tại tiểu mục 4.2 Mục 4 phần I Nghị quyết số 02/2003/NQ-HĐTP ngày 17-4-2003 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ" theo điểm đ khoản 2 Điều 202 BLHS năm 1999.

BLHS năm 2015 quy định về tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ" tại Điều 260 có lợi hơn cho bị cáo nên căn cứ khoản 3 Điều 7 BLHS năm 2015, Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20-6-2017, Công văn số 04/TANDTC-PC ngày 09-01-2018 thì cần áp dụng quy định của BLHS năm 2015 để xem xét. Vì vậy, VKSND huyện Gia Lộc truy tố bị cáo về tội "Vi phạm

quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo điểm đ khoản 2 Điều 260 BLHS năm 2015 là đúng pháp luật.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến an toàn phương tiện giao thông đường bộ và tính mạng của người dân khi tham gia giao thông. Tình hình tai nạn giao thông hiện nay đang là vấn đề bức xúc của xã hội, hậu quả của tai nạn giao thông không những làm thiệt hại đến sức khỏe, tính mạng, tài sản của con người mà còn để lại những hậu quả tang thương. Dư luận xã hội đòi hỏi phải xử lý nghiêm những người vi phạm luật giao thông và cũng để góp phần giáo dục ý thức chấp hành pháp luật. Do đó, việc cách ly bị cáo V ra khỏi xã hội một thời gian là điều cần thiết, có như vậy mới tạo được sự chuyển biến tích cực trong việc giáo dục, nâng cao ý thức chấp hành luật lệ giao thông của chính bị cáo cũng như toàn xã hội.

[4] Bị cáo có nhân thân xấu, có một tiền sự về hành vi trộm cắp tài sản (đã được xóa), năm 2013 bị Toà án nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội xử phạt 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (đã được xóa án tích). Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, sau tai nạn đã cùng với Công ty Cổ phần vận tải và thương mại X bồi thường cho gia đình bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại (anh K, chị T) có đề nghị miễn truy cứu trách nhiệm hình sự cho bị cáo, mẹ bị cáo được tặng huân chương nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS năm 2015. Do bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ nên cần áp dụng quy định tại khoản 1 Điều 54 BLHS năm 2015 để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng nhưng trong khung hình phạt liền kề nhẹ hơn.

[5] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo đang hành nghề lái xe ô tô nên cần áp dụng hình phạt bổ sung là cấm hành nghề lái xe ô tô theo quy định tại khoản 5 Điều 260 BLHS năm 2015.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Sau khi xảy ra tai nạn, bị cáo cùng bị đơn dân sự thống nhất bồi thường cho gia đình anh K 190.000.000đ, gia đình chị T 230.000.000đ. Đại diện hợp pháp của bị hại anh K, chị T đã nhận đủ số tiền trên và không yêu cầu bồi thường thêm; đại diện Công ty TNHH và sản xuất T không yêu cầu bị cáo bồi thường; Công ty Cổ phần vận tải và thương mại X và bị cáo đã tự thỏa thuận, Công ty không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét. Sau này nếu Công ty Cổ phần vận tải và thương mại X và bị cáo tranh chấp có quyền khởi kiện giải quyết tại vụ án dân sự khác.

[7] Về vật chứng: Cơ quan cảnh sát điều tra- Công an huyện Gia Lộc đã trả lại xe ô tô đầu kéo và rơ moóc cho đại diện Công ty Cổ phần vận tải và thương mại X; trả lại xe ô tô BKS: 29C- 921.45 cho chị Nguyễn Thị Mai K; trả lại chiếc xe mô tô BKS: 59P1- 545.33 và xe mô tô BKS 34B1- 654.82 cho chị Nguyễn Thị H và anh Vũ Mạnh T là phù hợp nên Hội đồng xét xử không xem xét. Giấy phép lái xe của bị cáo đang lưu trong hồ sơ vụ án và còn thời hạn đến ngày 13-02-2022. Do bị cáo bị cấm hành nghề lái xe ô tô nên cần tiếp tục quản lý trong hồ sơ vụ án. Sau khi bị cáo chấp hành xong hình phạt bổ sung, bị cáo có yêu cầu nhận lại giấy phép lái xe thì Tòa án trả lại giấy phép lái xe cho bị cáo.

[8] Về án phí: Bị cáo phạm tội nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo Điều 135, Điều 136 BLTTHS năm 2015, Luật phí và lệ phí năm 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 7, điểm đ khoản 2, khoản 5 Điều 260, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54, Điều 38 BLHS năm 2015; Điều 106, Điều 135, Điều 136 BLTTHS năm 2015; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20-6-2017 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn V phạm tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ".

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn V 26 (hai mươi sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

2. Về hình phạt bổ sung: Cấm bị cáo Nguyễn Văn V hành nghề lái xe ô tô trong thời hạn 01 (một) năm kể từ ngày bị cáo chấp hành xong hình phạt tù.

3. Về vật chứng: Tiếp tục quản lý giấy phép lái xe số 990061990612 mang tên Nguyễn Văn V do Sở giao thông vận tải thành phố Hải Phòng cấp ngày 13-02-2017 trong hồ sơ vụ án. Sau khi bị cáo chấp hành xong hình phạt bổ sung, bị cáo có yêu cầu nhận lại giấy phép lái xe thì Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc trả lại giấy phép lái xe cho bị cáo.

4. Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Văn V phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại có mặt có quyền kháng cáo bản án, bị đơn dân sự, người đại diện hợp pháp của bị đơn dân sự có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến việc bồi thường thiệt hại trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người đại diện hợp pháp của bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Sở tư pháp tỉnh Hải Dương;
- VKSND huyện Gia Lộc;
- Công an huyện Gia Lộc;
- Chi cục THADS huyện Gia Lộc;
- Sở GTVT TP Hải Phòng;
- Bị cáo;
- Người đại diện hợp pháp của bị hại;
- Bị đơn dân sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thị Hoài Thanh